



Part A *Fa1 U14 - L1* ACTION BOY CAN RUN

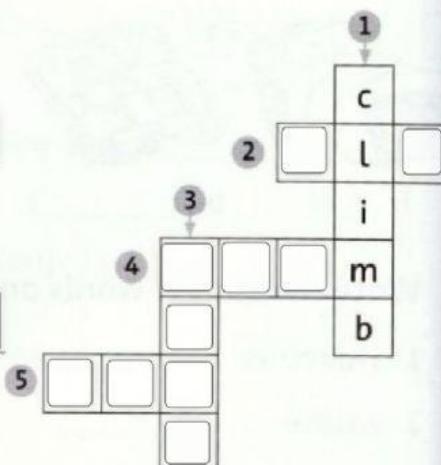


1 Write the words. Complete.

/ 8



climb



2 Order the words.

/ 4

1 She draw. can

She can draw.

2 can't sing. He

3 it climb? Can

4 fly? Can he

5 swim. She can

3 Look and complete.

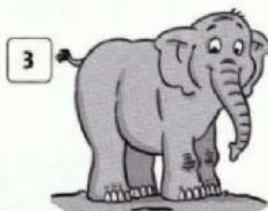
/ 3



Can she draw?
Yes, she can.



Can he run?



Can it fly?
No, it



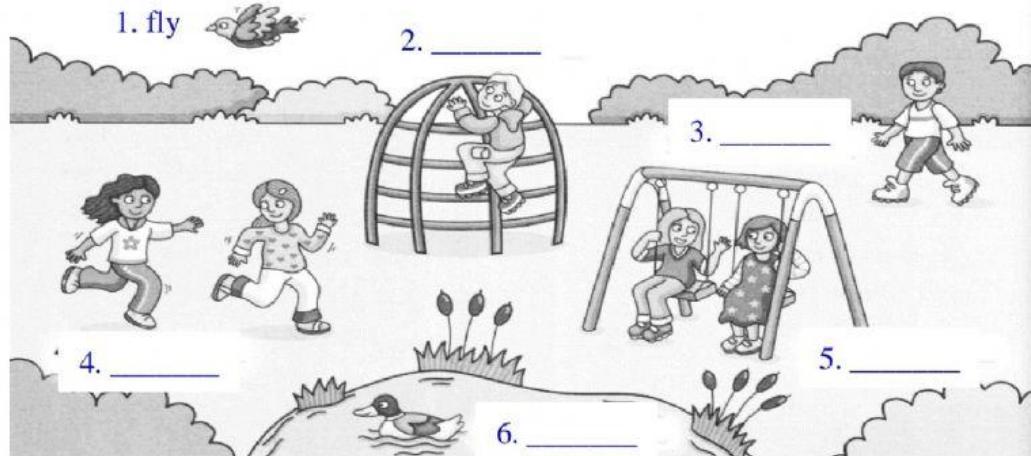
Can she sing?



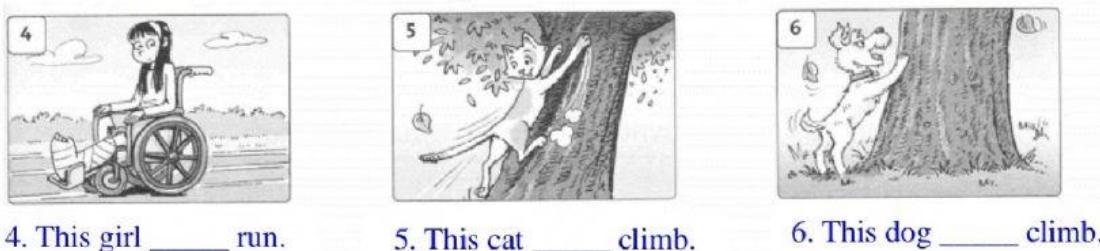


Part B

I. Look at the picture. Write. (Nhìn tranh và viết):



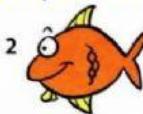
II. Look and write “can” or “can’t”. (Nhìn tranh và điền “can” hay “can’t”).



III. Write the words in the correct order. (Viết lại các từ theo đúng trật tự):



1. zebra / A / can't / fly
=> A zebra can't fly.



2. walk / A / can't / fish
=> _____.



3. monkey / A / can / run
=> _____.



4. parrot / A / can't / swim
=> _____.



5. talk / A / can't / cat
=> _____.



6. can / play / Alison
=> _____.





Part C



Task 1: Fill in the gap.

1. This is my uncle. He can walk.



2. This is my aunt. She can't cook.



3. This is my parents. They can _____.



4. This is my bird. It can _____.



5. This is my brother. He can _____.



6. This is my sisters. They can _____.



5. This is my cousins. They can _____.





Part D



IV. Look and write. (Nhìn tranh và viết. Sử dụng các từ trong khung):

Can he	Can she	Can it	Yes, he can.	Yes, he can.
Yes, it can.	No, she can't.	No, she can't.	No, she can't.	No, it can't.



1 Can he run?
Yes, he can.



2 Can she swim?
_____, _____.



3 Can it run?
_____, _____.



4 _____ talk?
_____, _____.



5 _____ fly?
_____, _____.



6 _____ climb?
_____, _____.

V. Translate in to English. (Dịch sang tiếng Anh):

1. Anh ấy không thể bơi.

⇒

2. Tôi có thể chạy nhưng tôi không thể bay.

⇒

3. Có 6 con búp bê ở trên chiếc ghế.

⇒

4. Mẹ tôi là một giáo viên.

⇒

5. Cô ấy có thể nói không? Không, cô ấy không thể.

⇒

